

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/02/2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh;

Bà Phạm Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 239/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1990.

ĐKHKTT: Thôn Tiên, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Khu 19 - H, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Kh**, sinh năm 1990.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang sinh sống tại: Đài Loan (Trung Quốc). Vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Kh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương ngày 17/6/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mặc dù được gia đình hai bên khuyên giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng

không được cải thiện. Năm 2013 anh Kh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), thời gian đầu anh còn liên lạc với chị nhưng không gửi tiền về để chị nuôi con, sau đó anh không còn liên lạc với chị nữa. Năm 2018, mẹ con chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Văn Kh.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Gia L, sinh ngày 23/7/2012, hiện con đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên và chị tự nguyện không yêu cầu anh Kh phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị K là mẹ đẻ của anh Kh xác định: Anh Kh hiện đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), bà không biết địa chỉ cụ thể nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên anh Kh vẫn liên lạc về gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Kh biết việc chị T đề nghị giải quyết ly hôn với anh Kh. Anh Kh có quan điểm đồng ý ly hôn, nhất trí để chị Tuyết nuôi con chung, vợ chồng không có tài sản chung và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại khu dân cư và chính quyền địa phương nơi chị Tuyết và anh Kh sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại Đ, C, vợ chồng chung sống với nhau được thời gian ngắn thì anh Khoái đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), từ khi đi anh chỉ về phép 1 đến 2 lần, vợ chồng sống xa nhau là chủ yếu nên không có sự chia sẻ, vun đắp hạnh phúc, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thị trấn L, huyện C sinh sống từ lâu. Nay chị T có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi chính đáng của người phụ nữ.

Con chung của chị T, anh Kh là Nguyễn Gia L có nguyện vọng ở với chị Tuyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Kh. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Gia L, sinh ngày 23/7/2012 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Kh không phải cấp dưỡng cho con. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Nguyễn Văn Kh có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn Tiền, thị trấn Lai C, huyện C, tỉnh Hải Dương, hiện anh Kh đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc), không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Kh ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh Kh cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, bà Nguyễn Thị K vẫn thường xuyên liên lạc với anh Kh nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng để gia đình thông báo cho anh Kh biết việc giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh Kh. Tuy nhiên anh Kh vắng mặt lần thứ hai và đề nghị giải quyết vắng mặt, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Kh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương ngày 17/6/2011, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp được với nhau trong cuộc sống. Khi anh Kh đi xuất khẩu lao động, vợ chồng cũng không liên lạc, không có sự quan tâm chia sẻ với nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Anh Kh cũng đã thông tin qua gia đình và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Thông qua gia đình anh Kh và quan điểm của chính quyền địa phương cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T, anh Kh không còn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tuyết và anh Khoái đã trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T ly hôn anh Kh là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Kh có một con chung là Nguyễn Gia L, sinh ngày 23/7/2012, hiện đang ở với chị T. Xét thấy con chung Nguyễn Gia L vẫn còn nhỏ và có nguyện vọng được ở với chị T. Mặt khác anh Kh đang ở nước ngoài, không có mặt ở Việt Nam nên không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. HĐXX chấp nhận giao con chung Nguyễn Gia L cho chị Tuyết trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không

yêu cầu anh Kh phải cấp dưỡng cho con. Nếu có căn cứ cho rằng chị T không đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh Kh có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh Kh không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Các đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn (nếu có) thì có quyền làm đơn đề nghị Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị T** ly hôn anh **Nguyễn Văn Kh.**

2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Gia L, sinh ngày 23/7/2012 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn Kh phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở anh Nguyễn Văn Kh thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0004800 ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn Kh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương;
- UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân